

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/DS-ST

Ngày: 16-02-2024.

V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Ngô Văn Khon.
- Ông Lê Văn Dài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Không.

Trong các ngày 26 tháng 01 và ngày 16 tháng 02 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 395/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp dân sự Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Trần Thanh P**, sinh năm: 1977;

Nơi cư trú: **Khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.**

Người đại diện hợp pháp cho anh **Trần Thanh P** là: Chị **Nguyễn Thanh V**, sinh năm: 1988, Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 29/11/2023 (có mặt).

Nơi cư trú: **Số D, ấp B, xã B, huyện T, Đồng Tháp.**

- Bị đơn:

1. Ông **Phù Văn A**, sinh năm: 1984 (vắng mặt không có lý do);

2. Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm: 1980 (vắng mặt không có lý do)

Cùng nơi cư trú: **Số D, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/4/2022, bản tự khai và trong quá trình xét xử

nguyên đơn ông **Trần Thanh P** ủy quyền cho chị **Nguyễn Thanh V** trình bày:

Căn cứ Biên nhận ngày 16/5/2017 ông **Phù Văn Á** và bà **Nguyễn Thị N** thừa nhận có vay tiền của ông **Trần Thanh P** số tiền gốc là 10.840.000đ (Mười triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng). Mẫu biên nhận đánh máy là do ông **P** lập, còn ông **Á**, bà **N** ký tên, ghi họ tên vào biên nhận ngày 16/5/2017 tại cửa **Cửa hàng T** của ông **P** ở **khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp**. Ông **P** cam kết chữ ký tên và chữ viết họ tên trong Biên nhận ngày 16/5/2017 là của ông **Phù Văn Á** và bà **Nguyễn Thị N** nếu sai ông **P** hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Ông **P** đã giao đủ số tiền vay 10.840.000đ cho ông **Á**, bà **N** vào ngày ký tên biên nhận nhận tiền là ngày 16/5/2017, mục đích vay để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, lãi suất thỏa thuận miệng là 1,66%/tháng, thời hạn trả là 12 tháng.

Nay ông **P** yêu cầu ông **Á**, bà **N** có trách nhiệm liên đới trả lại số tiền vay nợ gốc là 10.840.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông **Phù Văn Á**, bà **Nguyễn Thị N** vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông **Á**, bà **N** không cung cấp văn bản ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của ông **P** cũng như tham dự phiên họp, hòa giải nên Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của ông **Á**, bà **N** về việc yêu cầu khởi kiện của ông **P**.

Tại phiên tòa chị **Nguyễn Thanh V** là người đại diện hợp pháp cho ông **Trần Thanh P**, theo Hợp đồng ủy quyền ngày 29/11/2023 trình bày: Ông **Á** và bà **N** là vợ chồng, từ khi ký biên nhận vay tiền đến nay ông **Á**, bà **N** không có trả tiền lãi và không có trả tiền vay nợ gốc. Nay yêu cầu ông **Á**, bà **N** liên đới trả cho ông **P** số tiền 10.000.000đ, thống nhất giảm cho ông **Á**, bà **N** số tiền nợ gốc là 840.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền giải quyết: Do tranh chấp giữa cá nhân và cá nhân, ông **Á**, bà **N** hiện nay cư trú **ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp**, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[1.2.] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ Biên nhận ngày 16/5/2017(dl), ông **P** có cho ông **Á**, bà **N** vay số tiền 10.840.000đ (Mười triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng), nhưng đến nay ông **Á**, bà **N** không trả lãi và không trả tiền nợ vay gốc, nên làm phát sinh tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Tòa án huyện thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về pháp luật áp dụng: Căn cứ Biên nhận ngày 16/5/2017(dl), Tranh chấp hợp đồng vay tài sản phát sinh vào năm 2023, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[1.4] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa bị đơn ông **Phù Văn Á** và bà **Nguyễn Thị N** vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử xét thấy ông **Á**, bà **N** đã được triệu tập hợp lệ đúng theo quy định, nhưng ông **Á**, bà **N** vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo Biên nhận nhận ngày 16/5/2017(dl), Tòa án huyện đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo quy định pháp luật tố tụng, nhưng ông **Á**, bà **N** không đến Tòa án tham dự phiên hòa giải, cũng như phiên tòa, đã chứng minh được bị đơn cố tình vắng mặt, không có ý kiến đề bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông **Á**, bà **N** là phù hợp và đúng theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ Biên nhận ngày 16/5/2017(dl), ông **P** có cho ông **Á**, bà **N** vay số tiền 10.840.000đ (*Mười triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng*) là có thật và đã xảy ra, ông **Á** và bà **N** đã nhận đủ số tiền vay 10.840.000đ. Từ khi nhận tiền vay đến nay ông **Á**, bà **N** không trả tiền lãi và trả nợ gốc, hiện nay còn nợ số tiền gốc là 10.840.000đ, căn cứ lời khai của ông **P** thì ông **Á**, bà **N** có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc 10.840.000đ cho ông **P** vào ngày 16/5/2018, đến nay đã quá thời hạn trả nợ, nhưng ông **Á**, bà **N** không có trả nợ cho ông **P** nên ông **Á**, bà **N** đã vi phạm hợp đồng vay tài sản nêu trên đối với ông **P**.

Tại phiên tòa chi **V** là người đại diện theo ủy quyền của ông **P** thống nhất giảm cho ông **Á**, bà **N** số tiền vay gốc là 840.000đ, do đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của ông **P** buộc ông **Á**, bà **N** có trách nhiệm trả lại số tiền nợ gốc là 10.000.000đ là có cơ sở chấp nhận.

Ông **P** cam đoan chữ ký tên và chữ viết họ tên người vay tiền là của ông **Á** và bà **N**, đồng thời cam đoan từ khi giao tiền vay cho ông **Á**, bà **N** đến nay ông **Á**, bà **N** không trả lãi và không trả số tiền nợ gốc, nếu sau này phát sinh tranh chấp việc ông **Á**, bà **N** đã trả xong tiền nợ cho ông **P**, thì ông **P** hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Đối với lãi suất, tại phiên tòa chi **V** là người đại diện theo ủy quyền của ông **P** không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nợ gốc 10.840.000đ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông **Á**, bà **N** đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, ông **Á**, bà **N** không có văn bản trình bày ý kiến về việc có nợ tiền của ông **P** và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông **Á** và

bà **N**, nên Hội đồng xét xử không xem xét ý kiến hay yêu cầu của ông **Â**, bà **N** đối với số tiền nợ nêu trên.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Trần Thanh P** buộc ông **Phù Văn Â**, bà **Nguyễn Thị N** có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông **Trần Thanh P** số tiền còn nợ gốc là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 468 BLDS năm 2015.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Nguyên đơn ông **Trần Thanh P** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông **Phù Văn Â** và bà **Nguyễn Thị N** phải có trách nhiệm liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 26, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Trần Thanh P** đối với ông **Phù Văn Â** và bà **Nguyễn Thị N** về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông **Phù Văn Â** và bà **Nguyễn Thị N** có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông **Trần Thanh P** số tiền còn nợ 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bị đơn ông **Phù Văn Â** và bà **Nguyễn Thị N** phải liên đới chịu 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn ông **Trần Thanh P** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông **Trần Thanh P** toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 540.000đ (*Năm*

trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0004254 ngày 01/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 16/02/2024). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Tòa án ND tỉnh;
- CTTĐT Tòa án;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lý Thị Bích Thơ